

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 855/2017/DSPT
Ngày: 19/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức TX.

Các Thẩm Phán:

1. Ông Nguyễn Minh M
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc N

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục P – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố A

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Q - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố A xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/DSPT ngày 18/7/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 163/2017/DS-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân quận E, Thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1878/2017/QĐPT ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1959 (vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: 58 Đường 20, khu phố 4, phường EP, quận E, Thành phố A.

Bị đơn: Ông Lương M T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: 50 Đường số 4, khu phố 2, phường EP, quận E, Thành phố A..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Liêu Hỷ U – Công ty Luật SS - thuộc đoàn Luật sư Thành phố A (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Bùi Thị Kim T2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: 58 Đường 20, khu phố 4, phường EP, quận E, Thành phố A.

2/ Ông Ninh Văn X, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 83A/8 Đường 8, khu phố 2, phường EP, quận E, Thành phố A.

Người kháng cáo: Ông Lương M T – bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn - ông Nguyễn Y trong quá trình tố tụng:

Vào tháng 7/2015 qua sự giới thiệu và chỉ dẫn của ông Ninh Văn X, là người đang thi công sửa chữa nhà cho ông, được biết ông Lương M T là người chuyên làm dịch vụ các thủ tục giấy tờ xây dựng và đất đai nên ông đã gặp và nhờ ông T làm dịch vụ lo thủ tục xin giấy phép xây dựng nhà đất và xin tòn tại đối với công trình phía sau nhà số 58 đường 20, khu phố 4, phường HM, quận E, Thành phố A. Ông đã giao cho ông T 03 lần tiền dịch vụ, lần 01 đưa 20.000.000 đồng, lần 02 đưa tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lần 03 đưa 100.000.000 đồng, tổng cộng đã đưa cho ông T số tiền 220.000.000 đồng. Tuy nhiên từ khi nhận tiền ông T đã không thực hiện cam kết dẫn đến nhà của ông bị buộc cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông Lương M T trả lại số tiền 220.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 420.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực.

Bị đơn ông Lương M T trình bày:

Vào tháng 8/2015 ông có nhận tiền nhiều lần của ông Y tổng số tiền 220.000.000 đồng. Ông nhận số tiền 220.000.000 đồng này của ông Y là để thực hiện thủ tục xin tòn tại không bị cưỡng chế đối với căn nhà xây dựng không phép của ông Y nhưng ông không làm được do nhà này xây dựng trên phần đất lấn chiếm của Công ty NTS. Khi xin cho căn nhà này tòn tại không được ông có đề nghị trả lại số tiền này cho ông Y, nhưng ông Y không đồng ý và đòi ông trả 1.000.000.000 đồng, ông không đồng ý nên hai bên thương lượng để ông đi mua miếng đất này cho ông Y. Vì thế ông đã liên hệ với Công ty NTS để mua miếng đất này cho ông Y nhưng phía công ty trả lời đất này là chưa phù hợp với quy hoạch, cần phải đi điều chỉnh lại nên việc mua bán không tiến hành được.

Nay ông không đồng ý trả lại số tiền 220.000.000 đồng cho ông Y với lý do theo thỏa thuận ông đã thực hiện đúng yêu cầu của ông Y nên ông không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ninh Văn X trình bày:

Ông là người xây nhà cho ông Y, khi công trình xây dựng được khoảng 70% thì bị UBND phường HM, quận E ban hành quyết định ngừng thi công và chờ xử lý, vì vậy ông giới thiệu ông T cho ông Y để xin tòn tại căn nhà và tiếp tục thi công thì ông T đòi ông Y số tiền 220.000.000 đồng, ông Y nhờ ông chuyển cho ông T 120.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông Y tự chuyển cho ông T. Sau khi chuyển tiền xong khoảng hơn 20 ngày thì đội thi hành cưỡng chế của UBND phường xuống đập toàn bộ nhà của ông Y. Do đó ông Y yêu cầu ông T trả 1.000.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý, ông T đề nghị với ông Y liên hệ với công ty NTS để hợp đồng mua toàn bộ 1.000m² đất để chia cho các hộ và phải đóng tiền, riêng nhà của ông Y đã bị thiệt hại nhiều nên không phải đóng tiền, cuối cùng các hộ thỏa thuận không thành nên ông Y đòi lại ông T 220.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Kim T2: Bà thống nhất ý kiến với ông Y.

Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2016/DS-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân quận E đã tuyên như sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 ;
- Căn cứ vào các Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 521, Điều 522, Điều 523, Điều 524 Bộ luật dân sự năm 2005 ;
- Căn cứ vào các Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 ;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Y:

Buộc bị đơn ông Lương M T phải trả cho ông Nguyễn Y và bà Bùi Thị Kim T2 số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Y và bà Bùi Thị Kim T2 nếu ông Lương M T chưa trả số tiền trên, thì ông Lương M T phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/6/2017, bị đơn – ông Lương M T có đơn kháng cáo L bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn – ông Nguyễn S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đồng thời là người kháng cáo – ông Lương M T và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, cụ thể tại biên bản ghi nhận về việc không thể tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập đương sự và Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ cho ông T thì biên bản niêm yết lại được thực hiện trước biên bản ghi nhận về việc ông T không có mặt nên không thể tổng đạt. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S rút một phần yêu cầu tuy nhiên Tòa sơ thẩm lại không đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Ngoài ra, Tòa sơ thẩm lại không công khai đầy đủ các chứng cứ mà nguyên đơn nộp và không cho hai bên đối chất. Ông T không thừa nhận việc mình có nhận 220.000.000 đồng từ ông S, ông trình bày mình chỉ nhận 180.000.000 đồng, 40.000.000 đồng còn lại là ông X nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận E xét xử lại

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A phát biểu quan điểm vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo của đương sự: Tòa sơ thẩm có những sai sót về tố tụng, tuy nhiên những sai sót này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Về nội dung, ông T trình bày ông T chỉ nhận 180.000.000 đồng, 40.000.000 đồng còn lại ông T đưa cho ông X nhưng lời trình bày của ông T không được ông S đồng ý và ông T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh do lời trình bày của mình vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do Tòa sơ thẩm có sai sót đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông T làm trong hạn luật định, ông T đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – các ông, bà Ninh Văn X, Bùi Thị Kim T2 vắng mặt tại phiên tòa thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa, có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét thấy, Văn phòng Thừa phát lại quận E lập biên bản niêm yết công khai Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ tại Ủy ban nhân dân phường EP, quận E vào lúc 14 giờ 08 phút ngày 10/3/2017, lập biên bản niêm yết công khai tại Tòa án nhân dân quận E vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 10/3/2017. Tuy nhiên trên thực tế, ông T không có nhà nên Văn phòng Thừa phát lại quận E lập biên bản niêm yết công khai là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S có rút một phần yêu cầu về việc ông T phải bồi thường thiệt hại do việc không thực hiện hợp đồng dịch vụ. Tòa sơ thẩm có nhận định về việc ông S rút một phần yêu cầu tại phiên tòa, nhưng lại không tuyên đình chỉ đối với yêu cầu này trong phần quyết định của bản án là có thiếu sót.

Hội đồng xét xử nhận thấy những sai sót trên không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 2, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc ông S có nộp 01 USB xác định là đoạn ghi âm nội dung thỏa thuận với ông T về việc thực hiện giao dịch nhưng không được Tòa sơ thẩm tiến hành cho các bên đối chất xác định có thỏa thuận thực hiện hợp đồng dịch vụ hay không và không ghi nhận trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Căn cứ vào biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 18/11/2016, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 24/4/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa sơ thẩm có ghi nhận việc ông S có nộp 01 USB và cả ông T, ông S đều không đồng ý đối chất. Do đó, không có cơ sở để xem xét lời trình bày này của bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Đối với lời trình bày của ông T tại phiên tòa phúc thẩm về việc ông chỉ nhận 180.000.000 đồng, 40.000.000 đồng còn lại ông đã đưa cho ông X. Tuy nhiên, lời trình bày của ông T không được ông S đồng ý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa sơ thẩm ông T thừa nhận là mình có nhận 220.000.000 đồng từ ông S và ông cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày trên của mình. Do đó, ông T cho rằng chỉ nhận 180.000.000 đồng của ông Y là không có cơ sở để chấp nhận. Nếu ông T cho rằng ông X nhận 40.000.000 đồng thì ông T có quyền khởi kiện ông X trong một vụ án khác theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Những nội dung của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A, không chấp nhận kháng cáo của ông Lương M T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên phần án phí sơ thẩm như bản án sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Lương M T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 518, Điều 519, Điều 520, Điều 521, Điều 522, Điều 523, Điều 524 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lương M T.

1.1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1.2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Y:

1.3. Buộc bị đơn ông Lương M T phải trả cho ông Nguyễn Y và bà Bùi Thị Kim T2 số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Y và bà Bùi Thị Kim T2 nếu ông Lương M T chưa trả số tiền trên, thì ông T phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.4. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn S về việc ông S yêu cầu ông Lương M T bồi thường thiệt hại là 200.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn ông Lương M T phải chịu 11.000.000 đồng.

Ông Lương M T phải nộp 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Y.

Trả lại cho ông Nguyễn Y tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.800.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14238 ngày 02/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận E.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lương M T không phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015653 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E, Thành phố A.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận E;
- Chi cục THADS quận E;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức TX